TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM**
TỈNH THÁI BÌNH	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2019/HNGĐ-PT	
Ngày 29-3-2019	
V/v tranh chấp chia tài sản sau ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà

Các Thẩm phán: Bà Lương Hải Yến.

Bà Đỗ Thị Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Vện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình***: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát Vên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về Vệc "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 86/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thanh V, sinh năm 1978; nơi ĐKHK: thôn K, xã K T, huyện H, tỉnh Thái Bình; địa chỉ hiện nay: đường L, tổ 16, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1975; cư trú tại: thôn K, xã K T, huyện H, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phạm Hoan - Văn phòng Luật sư Phạm Hoan và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình; địa chỉ: số 9, phố Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lương Thị S (Kh), sinh năm 1940; cư trú tại: Thôn K, xã K T, huyện H, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Anh Đỗ Văn L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thanh V trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:*

Chị Lê Thanh V và anh Đỗ Văn L kết hôn với nhau năm 1995, đến năm 2017 vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số168/2017/QĐST-HNGĐD, ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Nhưng khi giải quyết ly hôn hai bên tự thỏa thuận với nhau về Vệc phân chia tài sản chung , không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên đến nay chị V và anh L không thỏa thuận được với nhau về tài sản chung.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh L có tạo dựng được khối tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà ở 02 tầng, tường xây gạch chỉ 220, mái bằng bê tông cốt thép và công trình phụ khép kín, diện tích sử dụng là 112,2 m^2 (tầng 1 là 60,2 m^2 xây dựng năm 2001 và tầng 2 là 52 m^2 xây dựng năm 2011), được làm trên diện tích 107 m^2 thuộc thửa đất 611, tờ bản đồ số 01, thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung, chủ sử dụng đất là bà Lương Thị S (Khiêm) là mẹ đẻ của anh L cho hai vợ chồng, khi xây được sự đồng ý của bố mẹ đẻ anh L, giá trị hiện tại khoảng 500.000.000 đồng; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu suzuki biển kiểm soát 90C-00260 và các chân phường mà chị V và anh L đã chơi của anh Hà Văn Ngát, anh Hà Văn Vương, anh Trần Văn Hỏi, anh Đỗ Văn Nghiệp, đều trú tại xã Kim Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Chị V không lấy số tiền 290.000.000 đồng, 01 xe máy Honda SH và 04 cây vàng 9999 mang đi như anh L đã trình bày. Chị V và anh L không nợ tổ chức, cá nhân nào.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị V trình bày quyền sử dụng diện tích đất 107 m^2 thuộc thửa đất 611, tờ bản đồ số 01, thuộc thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung là của bà Lương Thị S. Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến quyền sử dụng đất , rút không yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản đã trình bày gồm 01 xe ô tô tải nhãn hiệu suzuki biển kiểm soát 90C-00260 và các chân phường mà chị V và anh L đã chơi của anh Hà Văn Ngát, anh Hà Văn Vương, anh Trần Văn Hỏi, anh Đỗ Văn Nghiệp. Chị V yêu cầu Tòa án buộc anh L phải chia 1/2 giá trị ngôi nhà nêu trên cho chị tương ứng với số tiền 191.888.000 đồng.

** Bị đơn là anh Đỗ Văn L trình bày và có quan điểm như sau*:

Anh L và chị V kết hôn năm 1995, đến năm 2017 đã được Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà giải quyết cho ly hôn nhưng chưa giải quyết phân chia tài sản chung. Anh L và chị V có các tà i sản chung trong thời kỳ hôn nhân là 01 ngôi nhà ở 02 tầng, tường gạch chỉ 220, mái bằng bê tông cốt thép và công trình phụ khép kín diện tích sử dụng là 112,2 m^2. Nay chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án chia cho 1/2 giá trị ngôi nhà, anh L không nhất trí và đề nghị được tiếp tục sở hữu ngôi nhà trên vì trong thời kỳ hôn nhân chị V đã lấy số tiền khoảng 290.000.000 đồng, 01 xe máy Honda SH (nhập khẩu) và 04 cây vàng 9999 hiệu

Xuân Trường, tổng số tiền chị V đã lấy đi là 500.000.000 đồng. Do anh L tin tưởng chị V và trong thời kỳ hôn nhân chị V là người quản lý kinh tế nên anh L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Vệc chị V đã mang tài sản nêu trên. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, anh L không nhất trí với giá Hội đồng định giá đã định giá và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại giá trị tài sản vì ngôi nhà hiện nay đã xuống cấp, tầng 02 đã bị nứt mái và thấm dột, lớp vữa chát đã chóc ra từng mảng. Tại phiên tòa sơ thẩm anh L chấp nhận thanh toán cho chị V 30.000.000 đồng. Anh L và chị V không nợ tổ chức, cá nhân nào.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị S (Khiêm) trình bày và có quan điểm như sau:*

Ngôi nhà ở hai tầng diện tích sử dụng là 112,2 m^2 đang có tranh chấp giữa chị V và anh L được xây dựng trên thửa đất số 611, tờ bản đồ số 01, diện tích 107m^2 loại đất NKL (đất nông nghiệp khác) tại thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung, nguồn gốc đất là của bà S cho chị V và anh L xây dựng nhờ. Nguồn tiền xây dựng nhà là do bà S bán thửa đất liền kề cho vợ chồng anh L, chị V xây dựng. Khi đó anh L và chị V là vợ chồng, bà S tin tưởng đưa tiền cho anh L, chị V nên không có chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cho Vệc đưa tiền đó. Nay chị V và anh L đã ly hôn, chị V đã mang theo những tài sản như anh L trình bày, bà S không chia nhà cho chị V vì nhà đó làm trên đất của bà S, bà S đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh L tiếp tục sử dụng và sở hữu ngôi nhà xây dựng trên đất của bà S.

Bản án sơ thẩm số 86/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39: Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 271 Bộ luật Tô tụng dân sự; Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về chia tài sản: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh Vì về Vệc chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn.

Xử giao cho anh Đỗ Văn L sở hữu 01 ngôi nhà 02 tầng, tường xây gạch chỉ 220, mái bằng bê tông cốt thép và công trình phụ khép kín diện tích 112,2m^2 trên thửa đất 611, tờ bản đồ số 01, diện tích 107m^2 loại đất NKL (đất nông nghiệp khác) chủ sử dụng bà Lương Thị S (Khiêm) tại thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Buộc anh Đỗ Văn L có trách nhiệm thanh toán cho chị Lê Thanh V 1/2 giá trị tài sản chênh lệch là 191.888.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2018, anh Đỗ Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với các lý do: Giá thẩm định ngôi nhà không đúng thực tế, vì ngôi nhà đã xuống cấp,

ngôi nhà được xây dựng bằng vôi vữa không có ép cột, yêu cầu xem xét lại giá trị căn nhà xây dựng trên thửa đất số 611, tờ bản đồ số 01 tại thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; đề nghị Tòa án xem xét Vệc trước khi ly hôn chị V đã lấy đi của gia đình số tiền khoảng 290.000.000 đồng, 01 xe máy Honda SH và 04 cây vàng 9999; xem xét Vệc trước khi ly hôn chị V và anh L có mua thiết bị giá trị 60.000.000 đồng để thuê nhà mở cửa hàng spa tại số 219, đường Lý Thái Tổ, tổ 16, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình; xem xét lại Vệc chị V là người có lỗi có quan hệ bất chính, V phạm nghĩa vụ chung thủy của vợ chồng để xem xét Vệc chia tài sản chung sau ly hôn.

- Ngày 11/3/2019 và 25/3/2019, chị Lê Thanh V có đơn đề nghị với nội dung: Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà đã xét xử giao cho anh L sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, anh L phải có trách nhiệm thanh toán cho chị V 191.880.000 đồng. Sau khi Tòa án xử, chị V thấy bản án là phù hợp công minh nên không kháng cáo. Chị V đã nhận được bản án số 86/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018, trên trang đầu của bản án đã đóng dấu "Đã có hiệu lực pháp luật", chị V và anh L chỉ có nghĩa vụ thi hành bản án. Nhưng nay lại nhận được Thông báo về Vệc thụ lý về Vệc giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm của Tòa án tỉnh Thái Bình. Vì vậy, nếu anh L cố tình kháng cáo thì chị V yêu cầu Tòa án chia diện tích đất 107 m^2 trên đó có tài sản chung là công trình nhà ở do chị V và anh L xây dựng là quyền sử dụng chung của chị V và anh L. Diện tích đất 107 m^2 nêu trên tuy nguồn gốc của mẹ Lương Thị S là mẹ anh L, ông Đỗ Bỉnh Khiêm là bố anh L đã Vết giấy tay cho vợ chồng, sau khi được ông Khiêm giao vợ chồng đã làm nhà vào năm 2001, sau đó xây thêm tầng hai vào năm 2011, chị V và anh L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế với nhà nước và địa phương.

- Ngày 12/3/2019, bà Lương Thị S có đơn đề nghị với nội dung trình bày tháng 01/2001 bán đất được số tiền 39.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999 góp cho anh L và chị V xây dựng tầng một của ngôi nhà. Nay anh L và chị V đã ly hôn, yêu cầu chia tài sản chung thì yêu cầu Tòa án xem xét phần đóng góp của bà S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn là anh Đỗ Văn L rút một phần yêu cầu kháng cáo về Vệc xem xét trước khi ly hôn chị V và anh L có mua thiết bị giá trị 60.000.000 đồng để thuê nhà mở cửa hàng spa tại số 219, đường Lý Thái Tổ, tổ 16, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình; giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo khác và tự nguyện nộp cả 3.000.000 tiền chi phí định giá lại.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại giá trị của ngôi nhà như Tòa án phúc thẩm đã đi định giá lại; xem xét Vệc chị V mang tiền và tài sản chung đi trong thời kỳ hôn nhân; tính công sức mà mẹ anh L đưa cho vợ chồng xây dựng ngôi nhà và anh L có công sức duy tu, bảo quản ngôi nhà để chia tài sản.

- Nguyên đơn là chị Lê Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án đưa cả diện tích đất 107 m^2 là quyền sử dụng chung của chị V và anh

L đã được bố anh L Vết giấy tay cho để chia. Chị V thừa nhận năm 2017 khi còn quan hệ hôn nhân với anh L, chị V đã có quan hệ tình cảm với người chồng hiện nay và đã sử dụng số tiền 10.000.000 đồng của gia đình để mua 01 ghế gội đầu, 01 bàn mát sa và 01 đèn soi để mở cửa hàng spa, hiện nay chị V đang quản lý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị S trình bày năm 2001 đưa cho vợ chồng anh L số tiền 39.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999 vào Vệc xây dựng ngôi nhà, nay yêu cầu phải tính công sức đóng góp cho bà S. Bà S đồng ý để anh L tiếp tục sở hữu ngôi nhà trên đất của bà S.

- Đại diện Vện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm xác định ngôi nhà mái bằng hai tầng là tài sản chung của chị V và anh L là có căn cứ. Vệc bà S trình bày có công sức đóng góp xây dựng ngôi nhà nhưng không có căn cứ chứng minh. Cấp phúc thẩm định giá lại là có căn cứ và xác định giá trị ngôi nhà là 344.925.000 đồng, giao cho anh L sở hữu ngôi nhà và thanh toán cho chị V 1/2 giá trị. Các yêu cầu kháng cáo khác của anh L không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo mà anh L rút tại phiên tòa, sửa án sơ thẩm theo hướng đề nghị nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, anh Đỗ Văn L đề ngày 12/12/2018 làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đối với Vệc chị Lê Thanh V trình bày đã được Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà cấp cho bản án số 86/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018, trên trang đầu của bản án đã đóng dấu "Đã có hiệu lực pháp luật", chị V và anh L chỉ có nghĩa vụ thi hành bản án, Hội đồng xét xử thấy chị V có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, sau phiên tòa chị V không có kháng cáo, sau khi anh L có đơn kháng cáo thì Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà đã tống đạt hợp lệ Thông báo về Vệc anh L kháng cáo cho chị V vào ngày 17/12/2018. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà cũng đã có văn bản số 10 /BC-TA ngày 12/3/2019 trả lời chị V về Vệc đóng dấu "Đã có hiệu lực pháp luật" tại trang đầu bản án số 86/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 cấp cho chị V là do sơ xuất của thư ký Tòa án. Vì vậy, Vệc Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm để xem xét đơn kháng cáo của anh Đỗ Văn L là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm anh L rút một phần yêu cầu kháng cáo về Vệc xem xét trước khi ly hôn chị V và anh L có mua thiết bị giá trị 60.000.000 đồng để thuê nhà mở cửa hàng spa tại số 219, đường Lý Thái Tổ, tổ 16, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình. Xét thấy, Vệc anh L rút một phần yêu cầu kháng cáo nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, nên cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo anh L đã rút là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Văn L:

[3.1] Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, anh L và chị V đều thừa nhận ngôi nhà mái bằng hai tầng xây dựng trên diện tích đất 107 m^2 thuộc thửa đất 611, tờ bản đồ số 01 tại thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung đứng tên bà Lương Thị S là tài sản chung của anh L và chị V trong thời kỳ hôn nhân . Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định ngôi nhà mái bằng hai tầng có diện tích là 112,2 m^2 (trong đó tầng 1 có diện tích 60,2 m^2, tầng 2 có diện tích là 52 m^2), nhà xây gạch chỉ , kết cấu khung chịu lực , tường 220, nền móng gia cố cọc tre , có giá trị là 383.777.895 đồng. Anh L kháng cáo cho rằng Vệc cấp sơ thẩm định giá ngôi nhà không đúng với thực tế vì ngôi nhà xây dựng bằng vôi vữa không có khung cột , đã xuống cấp và yêu cầu định giá lại . Qua xem xét thẩm định và định giá lại, xác định khi cấp sơ thẩm xem xét thẩm định không đo để tính diện tích ban công và mái đua vào diện tích tầng 1 và tầng 2 của ngôi nhà, nên xác định ngôi nhà chỉ có diện tích 112,2 m^2; đo đạc lại tính cả diện tích ban công và mái đua thì ngôi nhà mái bằng hai tầng có diện tích là 121,05 m^2 (diện tích tầng 1 là 54,74 m^2, diện tích tầng 2 là 66,31 m^2). Hội đồng định giá đã sử dụng đục và búa để đục tường kiểm tra kết cấu ngôi nhà, xác định nhà được xây dựng không có khung cột bê tông cốt thép như cấp sơ thẩm đã xác định . Kết quả định giá lại ngôi nhà mái bằng hai tầng diện tích 121,05 m^2 có giá trị là 344.925.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh L về Vệc trước khi ly hôn chị V đã lấy đi của gia đình số tiền khoảng 290.000.000 đồng và 01 xe máy Honda SH và 04 cây vàng 9999. Hội đồng xét xử thấy trong quá trình xét xử sơ thẩm cũng như tại giai đoạn xét xử phúc thẩm , anh L không cung cấp đ ược chứng cứ để chứng minh Vệc chị V mang tài sản của gia đình đi, chị V không thừa nhận Vệc anh L trình bày. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L về vấn đề này.

[3.3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh L về Vệc Vệc chị V là người có lỗi có quan hệ bất chính, V phạm nghĩa vụ chung thủy của vợ chồng để xem xét Vệc chia tài sản chung sau ly hôn. Hội đồng xét xử thấy , tại phiên tòa bản thân chị V cũng thừa nhận khi còn quan hệ hôn nhân với anh L thì chị V đã có quan hệ tình cảm với người chồng hiện nay, nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn dẫn đến Vệc ly hôn. Vì vậy, cũng cần phải xem xét lỗi của chị V trong V phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng khi chia tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét Vệc chị V trình bày diện tích đất 107 m^2 thuộc thửa đất 611, tờ

bản đồ số 01 tại thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung đứng tên bà Lương Thị S thuộc quyền sử dụng của chị V và anh L, nay anh L kháng cáo thì chị V yêu cầu Tòa án phải chia cả quyền sử dụng đất nêu trên. Hội đồng xét xử thấy, khi khởi kiện, trong quá trình thụ lý và xét xử sơ thẩm chị V đều trình bày diện tích đất mà anh L và chị V xây dựng nhà là thuộc quyền sử dụng của bà Lương Thị S, chị V chỉ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là ngôi nhà mái bằng hai tầng làm trên đất của bà S, không có yêu cầu gì đối với diện tích đất của bà S. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định tài sản chung của chị V và anh L là nôi nhà mái bằng hai tầng làm trên đất của bà S, chia cho anh L sở hữu ngôi nhà và anh L thanh toán 1/2 giá trị ngôi nhà cho chị V, chị V có mặt tại phiên tòa và không có kháng cáo. Vì vậy, tại cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét Vêc chị V yêu cầu chia quyền sử dụng diện tích đất 107m^2 thuộc thửa đất 611, tờ bản đồ số 01 tại thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung đứng tên bà Lương Thị S nêu trên.

[5] Xét Vêc bà Lương Thị S có đơn đề nghị trình bày có góp công sức là số tiền 39.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999 vào Vêc xây dựng ngôi nhà mà Tòa án sơ thẩm đã xác định là tài sản chung của anh L và chị V. Hội đồng xét xử thấy, trong qúa trình xét xử sơ thẩm bà S đã trình bày về Vêc có đóng gop công sức trong Vêc xây dựng ngôi nhà, nhưng chị V không thừa nhận và bà S cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngôi nhà mái bằng hai tầng là tài sản chung của chị V và anh L. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà S đã được Tòa an tổng đạt hợp lệ bản án, nhưng cũng không có kháng cáo, nay có đơn đề nghị về Vêc tính công sức những cũng không cung cấp được chứng cứ gì, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét đề nghị tính công sức của bà S nêu trên.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh L, xác định tài sản chung của chị V và anh L là ngôi nhà mái bằng hai tầng diện tích 121,05 m^2 làm trên diện tích đất thuộc thửa đất 611, tờ bản đồ số 01 tại thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung đứng tên bà Lương Thị S, giá trị ngôi nhà là 344.925.000 đồng. Xét thấy, qua đo đạc thì ngôi nhà làm trên diện tích đất 103,7 m^2 có kích thước: Đông dài 6,13 m giáp đường thôn, Tây dài 6,12 m giáp đất bà S, Nam dài 17,4 m giáp đất ông Doãn, Bắc dài 16,62 m giáp đất ông Sơ. Bà S trình bày diện tích đất 103,7 m^2 nêu trên thuộc quyền sử dụng của bà S và chồng là ông Đỗ Bình Khiêm (đã chết), năm 2001 bà S cho anh L và chị V mượn đất để làm nhà, nay nếu anh L xin sở hữu ngôi nhà thì bà S đồng ý cho anh L tiếp tục mượn đất để sử dụng ngôi nhà để ở. Qua xác minh, UBND xã Kim Trung cung cấp cho biết theo bản đồ 299 thì diện tích đất anh L và chị V đã xây dựng nhà ở là đất nông nghiệp của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Kim Trung, đến năm 1993 thực hiện chính sách giao đất nông nghiệp ổn định lâu dài thì hộ gia đình bà S được giao 360 m^2 đất nông nghiệp tại vị trí hiện trạng hiện nay anh L đã xây dựng nhà; hiện nay diện tích đất 103,7 m^2 nêu trên vẫn là đất nông nghiệp nhưng phù hợp với quy hoạch khu dân cư, nếu người sử dụng đất nộp nghĩa vụ tài chính với nhà nước thì sẽ

được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó cần tiếp tục giao cho anh L sở hữu ngôi nhà, anh L phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị V, nhưng cũng cần xem xét đến Vệc chị V có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến Vệc ly hôn, anh L có sửa chữa ngôi nhà để xác định phần chênh lệch tài sản mà anh L phải thanh toán cho chị V.

[7] Về chi phí định giá lại tài sản : Anh L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá lại và đã nộp chi phí định giá là 3.000.000 đồng, nên Tòa án không đặt ra giải quyết về nghĩa vụ nộp chi phí định giá.

[8] Về án phí: Xét thấy, anh L và chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được chia, do giá trị tài sản chung chia cho các đương sự có thay đổi nên cần phải sửa lại án phí sơ thẩm . Anh L kháng cáo được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Văn L về Vệc xem xét trước khi ly hôn chị V và anh L có mua thiết bị giá trị 60.000.000 đồng để thuê nhà mở cửa hàng spa tại số 219, đường Lý Thái Tổ, tổ 16, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Văn L. Sửa bản án sơ thẩm số 86/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình cụ thể như sau:

- Xử giao cho anh Đỗ Văn L sở hữu ngôi nhà mái bằng hai tầng diện tích 121,05 m^2 (diện tích tầng 1 là 54,74 m^2, diện tích tầng 2 là 66,31 m^2) xây dựng trên diện tích đất 103,7 m^2 thuộc thửa đất 611, tờ bản đồ số 01 tại thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung đứng tên bà Lương Thị S có kích thước: Đông dài 6,13 m giáp đường thôn, Tay dài 6,12 m giáp đất bà S, Nam dài 17,4 m giáp đất ông Doãn , Bắc dài 16,62 m giáp đất ông Sở.

Tài sản anh L được sở hữu có giá trị là 344.925.000 (Ba trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm hai mươi năm nghìn) đồng.

- Xử buộc anh Đỗ Văn L có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Lê Thanh V số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

- Chị Lê Thanh V phải chịu 8.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 7.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005187 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Chị Lê Thanh V còn phải nộp 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Đỗ Văn L phải nộp 8.746.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005313 ngày 13/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Anh Đỗ Văn L còn phải nộp 8.446.000 (tám triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29/3/2019./

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, THA huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Hà